

Bản án số: 1302/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2026
V/v tranh chấp xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Cẩm, ông Nguyễn Mạnh Tường.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 842/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 868/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Đoàn Thị B M, sinh năm 19xx; Địa chỉ: xxxx đường A, phường C, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* ông Trần Đăng T P, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số xxxx/xx đường D, khu phố x, phường C, Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Trương V T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Xxx/x Ấp xx, xã E, Thành phố H.

(các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Đoàn Thị B M tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

1. *Nguyên đơn là bà Đoàn Thị B M trình bày:*

Bà Đoàn Thị B M và ông Trương V T là vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx/20xx do UBND xã F, huyện G, Thành phố H. Quá trình chung sống có 01 con chung là Trương Ngọc H1 N (sinh ngày xx/x/20xx).

Trong thời kỳ hôn nhân với ông T, bà M có sinh ra một người con (bé trai, sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) thì bé này không phải là con chung của ông T và bà M mà là con của bà M với người khác.

Ông T và bà M đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và không ai còn liên quan đến ai. Việc bà M sống với ai và sinh bé trai như trên thì ông T biết và hoàn toàn không phản đối và không có ý kiến gì, bà M xác định bé trai mà bà M sinh ngày xx/x/20xx không phải là con của ông T. Ông T và bà M đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số XXX/XXXX/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà M và ông Trần Đăng T P có chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn và có con chung là bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1).

Khi bà M sinh bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) thì bệnh viện J có cấp giấy chứng sinh nhưng bà M làm mất nên sau này đến bệnh viện xin lại thì được bệnh viện J cấp Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx ngày xx/x/20xx.

Bà M đồng ý với Phiếu kết quả phân tích AND số KQ xxxxxxxx ngày 04/6/2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ phân tích di truyền Z thực hiện với kết quả giám định là: Bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt là Đoàn T P1) và ông Trần Đăng T P (sinh ngày xx/x/19xx; Địa chỉ: số xxxx/xx đường D, khu phố x, phường C, Thành phố H) có quan hệ huyết thống là cha – con.

Hiện nay bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) đã đến tuổi đi học lớp 1, bà M phải làm thủ tục cho con đi học.

Bà Đoàn Thị B M yêu cầu Toà án xác định ông Trần Đăng T P là cha ruột của bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1).

2. Bị đơn là ông Trần Đăng T P trình bày:

Ông P xác định ông P và bà Đoàn Thị B M có chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, bà M có sinh bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1), đây là con của bà M.

Ông P đồng ý đồng ý với Phiếu kết quả phân tích AND số KQ xxxxxxxx ngày 04/6/2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ phân tích di truyền Z thực hiện với kết quả giám định là: Bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt là Đoàn T P1)

và ông Trần Đăng T P (sinh ngày xx/x/19xx; Địa chỉ: số xxxx/xx đường D, khu phố x, phường C, Thành phố H) có quan hệ huyết thống là cha – con).

Ông P đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương V T trình bày:

Bà Đoàn Thị B M và ông Trương V T là vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx/20xx do UBND xã F, huyện G, Thành phố H. Quá trình chung sống có 01 con chung là Trương Ngọc H1 N (sinh ngày xx/x/20xx). Trong thời kỳ hôn nhân với ông T, bà M có sinh ra một người con (bé trai, sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) thì bé này không phải là con chung của ông T và bà M mà là con của bà M với người khác. Ông T và bà M đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và không ai còn liên quan đến ai. Việc bà M sống với ai và sinh bé trai như trên thì ông T hoàn toàn không phản đối và không có ý kiến gì, ông T xác định bé trai mà bà M sinh ngày xx/x/20xx không phải là con của ông T. Ông T và bà M đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số XXX/XXXX/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2026 của Toà án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trương V T đồng ý việc bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) không phải là con của ông T còn bé trai này là con của ai thì ông T không biết, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác trong vụ án này. Ông T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt ông T trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Trường hợp, Toà án tiến hành thủ tục giám định AND của bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) thì ông T hoàn toàn đồng ý với kết luận giám định dù kết luận nó như thế nào.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Nguyên đơn bà Đoàn Thị B M, bị đơn ông Trần Đăng T P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương V T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: xác định ông Trần Đăng T P là cha ruột của bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp về xác định cha cho con theo khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về tư cách tố tụng của các đương sự: bà Đoàn Thị B M là người khởi kiện yêu cầu xác định cha cho con, được xác định là nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Trần Đăng T P là người bị kiện, được yêu cầu xác định là cha ruột của trẻ, được xác định là bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị B M với ông Trương V T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx/20xx do UBND xã F, huyện G, Thành phố H cấp). Theo khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân được coi là con chung của vợ chồng; do đó việc xác định ông P là cha của trẻ có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của ông Trương V T. Việc Tòa án đưa ông Trương V T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ và cần thiết để giải quyết toàn diện vụ án.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Bà Đoàn Thị B M và ông Trương V T trình bày thống nhất rằng hai ông bà là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx/20xx; đã sống ly thân từ năm 2019 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 587/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh. Cả bà M và ông T đều khẳng định bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) không phải là con của ông T. Đây là những tình tiết được các đương sự thừa nhận, thống nhất với nhau và không có tranh chấp, phù hợp với quy định

tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bé trai (sinh ngày xx/x/20xx theo Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx, tên dự định đặt cho bé trai là Đoàn T P1) được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà M và ông T và về nguyên tắc được suy đoán là con chung theo khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định người không nhận con có quyền yêu cầu Tòa án xác định con đó không phải là con của mình. Tại vụ án này, cả bà M (mẹ của trẻ) và ông T (người chồng trong thời kỳ hôn nhân) đều thống nhất khẳng định trẻ không phải là con chung của hai người. Sự thống nhất này là cơ sở làm phát sinh việc xác định lại cha cho trẻ theo yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu Công ty Cổ phần Dịch vụ phân tích di truyền Z thực hiện việc giám định Gen (ADN) để xác định quan hệ huyết thống (Cha – Con) giữa ông Trần Đăng T P (sinh ngày xx/x/19xx) và trẻ (tên dự định đặt là Đoàn T P1, sinh ngày xx/x/20xx, Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx).

Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ xxxxxxxx ngày 04/6/2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ phân tích di truyền Z kết luận: ông Trần Đăng T P (sinh ngày xx/x/19xx) và trẻ (tên dự định đặt là Đoàn T P1, sinh ngày xx/x/20xx, Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx) có quan hệ huyết thống Cha – Con. Xét thấy kết quả giám định nêu trên do tổ chức giám định thực hiện theo trưng cầu của Tòa án, là chứng cứ khoa học có giá trị chứng minh theo quy định tại Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đồng ý với Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ xxxxxxxx ngày 04/6/2026. Ông Trương V T chấp nhận kết luận giám định dù kết luận như thế nào. Như vậy, Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ xxxxxxxx ngày 04/6/2026 được thu thập hợp pháp, phù hợp với lời trình bày, sự thừa nhận của tất cả các đương sự, không phát sinh mâu thuẫn, bảo đảm tính khách quan, toàn diện của việc đánh giá chứng cứ theo Điều 108 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định trẻ (tên dự định đặt là Đoàn T P1, sinh ngày xx/x/20xx, Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do Bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx) không phải là con của ông Trương V T mà có quan hệ huyết thống cha – con với ông Trần Đăng T P. Việc bà Đoàn Thị B M và ông Trần Đăng T P có thời gian chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, kết hợp với kết quả giám định ADN, là căn cứ để xác định cha cho con theo quy định tại Điều 89 và Điều 90 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Yêu cầu xác định cha cho con của bà M là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng bảo đảm quyền được khai sinh, được xác định cha của trẻ và phục vụ nhu cầu làm thủ tục nhập học cũng như các thủ tục khác của trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông Trần Đăng T P là cha ruột

của trẻ theo quy định tại Điều 89, khoản 2 Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về chi phí giám định: nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định gen đã được thực hiện tại Công ty Cổ phần Dịch vụ phân tích di truyền Z, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Đoàn Thị B M thuộc trường hợp miễn án phí nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 89, khoản 2 Điều 101, Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị B M về yêu cầu xác định cha cho con:

Xác định ông Trần Đăng T P (sinh ngày 17/01/1989, số định danh cá nhân là 079089009018, địa chỉ số xxxx/xx đường D, khu phố x, phường C, Thành phố H) là cha ruột của trẻ (tên dự định đặt là Đoàn T P1, sinh ngày xx/x/20xx, Giấy chứng sinh số xxxxxxxx/xx do bệnh viện J cấp ngày xx/x/20xx).

2. Về chi phí giám định gen: bà Đoàn Thị B M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định gen đã được thực hiện tại Công ty Cổ phần Dịch vụ phân tích di truyền Z, nên ghi nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đoàn Thị B M phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0027355 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đoàn Thị B M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bà Đoàn Thị B M, ông Trần Đặng T P, ông Trương V T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV9 - TPHCM;
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký khai sinh;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hải